

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2020
V/v Tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Luân
2. Bà Trần Ánh Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 về “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1966, có mặt,
Địa chỉ: Tổ 03, ấp R, xã Thạnh Đ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm: 1965, có mặt
Địa chỉ: Tổ 03, ấp R, xã TĐ, huyện GD, tỉnh Tây

Ninh. Địa chỉ liên lạc: Khu phố GH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-8-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị O. Ông và bà O tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1988 nhưng từ đó đến nay chưa có đăng ký kết hôn với nhau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không quan tâm đến nhau khoảng ba năm nay. Vào ngày 22-6-2020 bà O tự bỏ đi qua sống chung với các con, trong khi ông không chửi, không đánh.

Vợ chồng có 02 con chung tên: Nguyễn Tiến H, sinh ngày 07-06-1989 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày: 11-01-1992, hiện đang sống với vợ của ông, các con đã thành niên, có nơi cư trú riêng và có khả năng tự lao động sinh sống được, tôi không yêu cầu cấp giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:

Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, chồng bà có quan hệ ngoại tình. Bà nhiều lần vận động nhưng chồng bà không đăng ký kết hôn, đến thời điểm hiện tại bà không thể chịu đựng nên quyết định bỏ đi. Nay chồng bà yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn. Vợ chồng ly thân từ ngày 22-6-2020 đến nay.

Vợ chồng có 02 con chung là đúng, đã sống riêng, các con đã trưởng thành, bà thống nhất không yêu cầu giải quyết về con chung. Tài sản chung: Vợ chồng thỏa thuận với nhau, bà không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị O khai chung sống với nhau từ năm 1988 đến nay không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị O là tự nguyện, không ai ép buộc. Nay ông T yêu cầu được ly hôn với bà O, tại phiên tòa bà O đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù ông T và bà O có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không xem xét về nguyên nhân mâu thuẫn, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị O,

[2] *Về con chung*: Ông T và bà O khai vợ chồng có 02 con chung tên: Nguyễn Tiến H, sinh năm: 1989 và Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1992, hiện đang sống với bà O, các con của ông bà đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được, ông bà không yêu cầu giải quyết về con chung. Xét thấy anh H và chị H đã thành niên và có khả năng lao động sinh sống được, ông T và bà O không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] *Về tài sản chung*: Ghi nhận ông T, bà O tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Ghi nhận ông T, bà O bà khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Ông T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Tuyên bố*: Không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị O là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Ghi nhận ông T, bà O khai vợ chồng có 02 con chung tên: Nguyễn Tiến H, sinh năm: 1989 và Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1992, hiện đang sống với bà O. Anh H, chị H đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Ghi nhận ông T, bà O tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Ghi nhận ông T, bà O bà khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012164 ngày 25-8-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, **ông T** đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã TĐ (*để biết*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Minh Hiếu

